|  |  |
| --- | --- |
| **TCVN** |  **T I Ê U C H U Ẩ N Q U Ố C G I A** |

**TCVN :2025**

**Xuất bản lần 1**

**HƯỚNG DẪN CÔNG NHẬN HOẠT CHẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ÍT ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG HOẶC KHÔNG PHÁT SINH DƯ LƯỢNG ĐƯỢC MIỄN THIẾT LẬP GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA**

***Guidelines for the recognition of active substances of low public health concern that are considered exempted from the establishment of maximum residue limits or do not give rise to residues***

**HÀ NỘI – 2025**

# Lời nói đầu

TCVN :2025 được xây dựng trên cơ sở tham khảo CXG 97-2022 *Guidelines for the recognition of active substances or authorized uses of active substances of low public health concern that are considered exempted from the establishment of maximum residue limits or do not give rise to residues;*

TCVN :2025 do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phối hợp với Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/F13 *Phương pháp phân tích và lấy mẫu* biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

# Lời giới thiệu

Thuốc bảo vệ thực vật là những chất được sử dụng trong nông nghiệp nhằm đạt được sức khỏe, chất lượng và năng suất cây trồng thông qua việc phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố sinh học ảnh hưởng đến cây trồng. Các loại thuốc bảo vệ thực vật bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ chuột, thuốc trừ ốc, thuốc điều hòa sinh trưởng, chất dẫn dụ, chất xua đuổi côn trùng v.v...

Thuốc bảo vệ thực vật có thể chứa các hoạt chất có nguồn gốc hóa học hoặc nguồn gốc sinh học. Thuốc bảo vệ thực vật hóa học có thể có nguồn gốc tổng hợp hoặc có nguồn gốc thiên nhiên.

Trong phạm vi của tiêu chuẩn này, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, còn được gọi là thuốc bảo vệ thực vật sinh học, bao gồm các hoạt chất có thành phần vi sinh vật (thuốc bảo vệ thực vật vi sinh), các hợp chất từ thực vật như chiết xuất thực vật (thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc), pheromon (chất dẫn dụ) và các chất có nguồn gốc từ động vật. Tiêu chuẩn này không bao gồm các chất như phân bón sinh học, chất điều hòa sinh trưởng sinh học hoặc chất kích thích sinh trưởng sinh học cũng như các loài động vật không xương sống như côn trùng, tuyến trùng hoặc các sinh vật lớn khác.

Đôi khi, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thuộc danh mục được phép sử dụng trên cây trồng vẫn để lại dư lượng trong thực phẩm. Ủy ban Codex (CAC) đã thiết lập các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc bảo vệ thực vật trên các loại thực phẩm hoặc nhóm thực phẩm cụ thể trong thương mại quốc tế để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, dựa trên khuyến nghị của Hội nghị chung FAO/WHO về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (JMPR). Một số quốc gia thiết lập MRL riêng dựa trên đánh giá nguy cơ, do các cơ quan quốc gia hoặc khu vực thực hiện.

Các MRL do Codex ban hành (CXL) đã được thông qua dựa trên các khuyến nghị của đánh giá JMPR và phù hợp với dữ liệu thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Thực phẩm có nguồn gốc từ các hàng hóa tuân thủ các MRL sẽ được chấp nhận về mặt độc tính (được coi là an toàn cho người tiêu dùng). Tiêu chuẩn này đưa ra các tiêu chí đối với việc miễn thiết lập MRL đối với các chất hoặc đối với việc sử dụng các chất cụ thể theo danh mục cho phép, khi việc thiết lập các MRL là không cần thiết trong việc bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Việc xác định hoạt chất hoặc việc sử dụng các chất cụ thể theo danh mục cho phép có đáp ứng một hay nhiều tiêu chí nhằm mục đích được miễn thiết lập MRL hay không là kết quả của quá trình đánh giá về độc tính và tình trạng dư lượng của chất đó.

Khi việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo danh mục cho phép không để lại dư lượng hoặc để lại dư lượng giống hệt và không thể phân biệt được với các thành phần tự nhiên vốn có trong sản phẩm thực phẩm, các thành phần này được coi là có mức độc tính thấp hoặc mức độc tính không đáng kể, thì một số quy định cho phép miễn thiết lập MRL hoặc quy định rằng không cần thiết lập MRL đối với một hoạt chất hoặc việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo danh mục cho phép.

Tiêu chuẩn này là bước đầu tiên hướng tới việc hài hòa hoặc công nhận các tiêu chí để miễn thiết lập MRL đối với các hoạt chất hoặc đối với việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo danh mục cho phép khi các chất đó được xem là ít ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

**T I Ê U C H U Ẩ N Q U Ố C G I A TCVN :2025**

**Hướng dẫn công nhận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật ít ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng hoặc không phát sinh dư lượng được miễn thiết lập giới hạn dư lượng tối đa**

*Guidelines for the recognition of active substances of low public health concern that are considered exempted from the establishment of maximum residue limits or do not give rise to residues*

# 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này đưa ra các tiêu chí để quyết định về việc miễn thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với một hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật hoặc đối với việc sử dụng một hoạt chất theo danh mục cho phép vì kết quả đánh giá nguy cơ cho thấy các hoạt chất đó có nguy cơ thấp và ít ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Các tiêu chí này được đưa ra nhằm cung cấp cách tiếp cận nhất quán và hài hòa để xác định khi nào một hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật hoặc việc sử dụng một hoạt chất theo danh mục cho phép có thể được coi là miễn thiết lập MRL.

Tiêu chuẩn này không đề cập đến việc sử dụng các chất độc hại mà không phát sinh dư lượng, ví dụ sử dụng thuốc diệt nấm hoặc thuốc trừ sâu để xử lý hạt giống.

# 2 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

Sinh vật gây hại (pest)

Các loài, chủng hoặc dạng sinh học của thực vật, động vật hoặc tác nhân gây bệnh đối với thực vật và sản phẩm thực vật, vật liệu hoặc môi trường, bao gồm cả vật mang bệnh ký sinh trùng hoặc tác nhân gây bệnh cho người và động vật cũng như động vật gây hại đến sức khỏe cộng đồng.

Hợp chất tự nhiên (natural substances)

Chất gồm có một hoặc nhiều thành phần có nguồn gốc tự nhiên, bao gồm nhưng không giới hạn: thực vật, tảo/vi tảo, động vật, khoáng chất, vi khuẩn, nấm, động vật nguyên sinh, virus, viroid và mycoplasma.

Chú thích: Hợp chất tự nhiên có thể có nguồn gốc tự nhiên hoặc giống hệt tự nhiên, do vi sinh vật tổng hợp hoặc sản xuất.

Hoạt chất (active substance)

Thành phần có hoạt tính (active ingredient)

Một phần của sản phẩm có hoạt tính diệt sinh vật gây hại.

Chất bán hóa học (semiochemicals)

Hoạt chất hoặc hỗn hợp các chất do thực vật, động vật và các sinh vật khác tiết ra, gây phản ứng về hành vi hoặc sinh lý ở các cá thể cùng loài hoặc khác loài.

Chú thích: Các dạng chất bán hóa học bao gồm:

* Allelochemical: được tạo ra bởi các cá thể của một loài nhằm thay đổi hành vi của các cá thể của loài khác (nghĩa là tác động giữa các loài). Chúng bao gồm allomon (loài tiết ra có lợi), kairomon (loài tiếp nhận có lợi) và synomon (cả hai loài đều có lợi).
* Pheromon: được tạo ra bởi các cá thể cùng loài tiết ra có tác dụng làm thay đổi hành vi của các cá thể khác cùng loài (nghĩa là tác động hiệu ứng cùng loài).
* Pheromon mạch thẳng của bộ Cánh vảy: một nhóm pheromon bao gồm các aliphatic không phân nhánh có mạch thẳng từ 9 đến 18 nguyên tử carbon, chứa ba liên kết đôi và nhóm chức alcohol, acetat hoặc aldehyde ở đầu mạch. Định nghĩa về cấu trúc này bao gồm phần lớn các pheromon do côn trùng thuộc bộ Cánh vảy tiết ra, bao gồm cả bướm và ngài.

Thuốc bảo vệ thực vật (pesticide)

Các chất có mục đích phòng ngừa, tiêu diệt, dẫn dụ, xua đuổi hoặc kiểm soát mọi sinh vật gây hại bao gồm các loài thực vật hoặc động vật không mong muốn trong quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, phân phối và chế biến thực phẩm, hàng nông sản hoặc thức ăn chăn nuôi hoặc chất được sử dụng cho động vật để kiểm soát ngoại ký sinh trùng.

Chú thích 1: Thuốc bảo vệ thực vật bao gồm cả các chất dự định sử dụng làm chất điều hòa sinh trưởng thực vật, chất làm rụng lá, chất làm khô, chất làm mỏng vỏ quả hoặc chất ức chế nảy mầm và chất được sử dụng cho cây trồng trước hoặc sau khi thu hoạch để bảo vệ hàng hóa khỏi bị hư hỏng trong quá trình bảo quản và vận chuyển.

Chú thích 2: Thuốc bảo vệ thực vật không bao gồm phân bón, chất dinh dưỡng cho thực vật và động vật, phụ gia thực phẩm và thuốc thú y.

**Thuốc bảo vệ thực vật sinh học** (biological pesticide/biopesticide)

Thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất được làm từ các vi sinh vật sống hoặc vi sinh vật chết, bao gồm vi khuẩn, vi tảo, động vật nguyên sinh, virus và nấm, từ pheromon và các chất bán hóa học khác và từ thực vật hoặc các bộ phận của thực vật, được thiết kế để xua đuổi, tiêu diệt hoặc kiểm soát mọi loại sinh vật gây hại hoặc điều hòa sự sinh trưởng của thực vật.

VÍ DỤ: Bacillus amyloliquefaciens chủng FZB24, Trichoderma atroviride (tên cũ T. harzianum) các chủng IMI 206040 và T11.

Thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo mộc/Thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc (botanical pesticide)

Thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất bao gồm một hoặc nhiều thành phần có trong thực vật thu được bằng cách cho thực vật hoặc các bộ phận của thực vật cùng loài trải qua một quá trình như ép, xay, nghiền, chưng cất và/hoặc chiết. Quá trình này có thể bao gồm cô đặc thêm, tinh chế và/hoặc pha trộn, với điều kiện là bản chất hóa học của các thành phần không bị chủ định thay đổi/cải biến bởi các quá trình hóa học và/hoặc vi sinh.

VÍ DỤ: Thuốc bảo vệ thực vật từ hạt của các loài thuộc chi Na (Annona spp.) (chứa các hoạt chất annonin, aquamocin), từ cây neem (Azadirachta indica).

Thuốc bảo vệ thực vật vi sinh (microbial pesticide)

Thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất dùng để kiểm soát hoặc quản lý các sinh vật gây hại như động vật không xương sống, cỏ dại hoặc các vi sinh vật gây bệnh trên cây trồng, được sản xuất từ các vi sinh vật như vi khuẩn, động vật nguyên sinh, nấm và virus.

Chú thích: Thuốc bảo vệ thực vật vi sinh bao gồm các sinh vật hoàn chỉnh (có thể còn sống hoặc không còn sống), các bào quan của sinh vật, chất chuyển hóa do sinh vật sản xuất, bào tử hoặc thể ẩn của sinh vật

Sử dụng theo danh mục cho phép (authorized use)

Việc sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng.

Chú thích: Việc sử dụng này thường xem xét các yếu tố về sức khỏe cộng đồng, sức khỏe nghề nghiệp và an toàn môi trường.

**Hoạt chất ít ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng** (active substances of low public health concern)

Các hoạt chất và chất chuyển hóa có liên quan được coi là có độc tính thấp hoặc không có độc tính đối với sức khỏe con người và động vật, dựa trên đánh giá nguy cơ.

Phơi nhiễm từ môi trường (environmental exposure)

Mức các chất, bao gồm mức phát sinh từ các hoạt động của con người trong quá khứ đối với môi trường (ví dụ: hoạt động nông nghiệp), có mặt trong môi trường trong các tình huống có liên quan đến từng khu vực môi trường (trung gian môi trường) tương ứng.

**Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được** (acceptable daily intake)

**ADI**

Lượng ăn vào hàng ngày của một hóa chất trong suốt cuộc đời mà không gây hại tới sức khỏe của người tiêu dùng.

Chú thích 1: ADI được tính dựa trên tất cả các dữ liệu đã biết tại thời điểm đánh giá.

Chú thích 2: ADI được tính bằng miligam hóa chất trên kilôgam thể trọng (thể trọng tiêu chuẩn của người trưởng thành là 60 kg).

Chú thích 3: ADI được áp dụng đối với phụ gia thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Liều tham chiếu cấp tính <của một hóa chất> (acute reference dose <of a chemical>)

ARfD

Lượng ước tính của một chất có trong thực phẩm và/hoặc nước uống, thường được biểu thị theo trọng lượng cơ thể, có thể ăn vào trong thời gian 24 h hoặc ít hơn mà không gây nguy cơ đáng kể đến sức khỏe của người tiêu dùng, dựa trên tất cả các dữ liệu đã biết tại thời điểm đánh giá.

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (pesticide residue)

Bất kỳ chất nào có trong thực phẩm, hàng hóa nông sản hoặc thức ăn chăn nuôi do việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

Chú thích: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bao gồm các dẫn xuất của thuốc bảo vệ thực vật như sản phẩm chuyển đổi, chất chuyển hóa, sản phẩm phản ứng và các tạp chất được coi là có ý nghĩa về độc tính.

Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (maximum limit for pesticide residues)

MRL

Hàm lượng tối đa của dư lượng thuốc bảo vệ thực vật được phép có trong các sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, được thiết lập dựa trên dữ liệu GAP và thực phẩm có nguồn gốc từ các hàng hóa tuân thủ MRL tương ứng với dự kiến độc tính có thể chấp nhận được.

Chú thích 1: MRL được biểu thị bằng miligam trên kilogam (mg/kg).

Chú thích 2: Các MRL do Codex ban hành (CXL) chủ yếu được áp dụng trong thương mại quốc tế được xác định từ các ước tính của JMPR dựa trên:

(a) đánh giá độc tính của thuốc bảo vệ thực vật và các chất chuyển hóa có liên quan;

(b) xem xét dữ liệu dư lượng từ các thử nghiệm có giám sát và việc sử dụng có giám sát bao gồm cả những dữ liệu phản ánh các GAP quốc gia. Dữ liệu từ các thử nghiệm có giám sát được tiến hành ở mức sử dụng cao nhất được khuyến nghị, phê duyệt hoặc đăng ký trên toàn quốc đều được đưa vào xem xét. Để phù hợp với những thay đổi trong các yêu cầu trong công tác kiểm soát dịch hại quốc gia, CXL có tính đến các mức dư lượng cao hơn phát sinh trong các thử nghiệm có giám sát, được coi là đại diện cho các biện pháp kiểm soát dịch hại hiệu quả.

Việc xem xét các ước tính và xác định dư lượng trong khẩu phần ăn khác nhau cả ở cả cấp quốc gia và quốc tế khi so sánh ADI và ARfD cần chỉ ra rằng thực phẩm tuân thủ CXL là an toàn cho người tiêu dùng.

**Thức ăn chăn nuôi/thức ăn cho vật nuôi dùng làm thực phẩm** (feed)

Mọi nguyên liệu đơn lẻ hoặc kết hợp, dù đã qua chế biến, bán chế biến hay dạng thô, được dùng để làm thức ăn trực tiếp cho động vật để sản xuất thực phẩm.

Nhóm thực phẩm (food group)

Nhóm cây trồng (crop group)

Tập hợp các loại thực phẩm/cây trồng là đối tượng được quy định MRL, có đặc tính tương tự và có khả năng có dư lượng tương tự mà có thể thiết lập một nhóm MRL chung.

Chú thích 1: Có thể sử dụng các loại hàng hóa đại diện để thiết lập MRL cho toàn bộ nhóm cây trồng hoặc phân nhóm cây trồng.

Chú thích 2: Phân loại của Codex về hàng hóa thực phẩm và thức ăn chăn nuôi mô tả các nhóm thực phẩm khác nhau trong thương mại và liệt kê các loại hàng hóa có trong mỗi nhóm.

Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (Good agricultural practice (GAP) in the use of pesticides)

Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn theo danh mục cho phép sử dụng, trong các điều kiện thực tế để kiểm soát sinh vật gây hại hiệu quả và đáng tin cậy. Điều này bao gồm dải mức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, lên đến mức sử dụng cao nhất theo danh mục cho phép, được sử dụng theo cách để lại dư lượng nhỏ nhất có thể.

Chú thích: Các điều kiện thực tế bao gồm bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, phân phối hàng hóa thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

# 3 Tiêu chí để công nhận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật hoặc việc sử dụng hoạt chất theo danh mục cho phép ít ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng được miễn thiết lập giới hạn dư lượng tối đa

Để được miễn thiết lập MRL cho hoạt chất hoặc việc sử dụng cụ thể theo danh mục cho phép, các hoạt chất hoặc mục đích sử dụng cụ thể đó phải đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí dưới đây.

Cần đặc biệt cân nhắc trong những trường hợp miễn thiết lập MRL liên quan đến thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

Việc có hay không dư lượng có thể phụ thuộc vào GAP; nếu theo GAP mà dự kiến có dư lượng hoặc sẽ phát sinh dư lượng thì mức dư lượng dự đoán hoặc định lượng được cần được đánh giá so với mức phơi nhiễm có thể có liên quan đến môi trường.

Vì vậy, mỗi khi có yêu cầu sử dụng mới thì việc sử dụng mới này cần được đánh giá về khả năng được miễn thiết lập MRL (cho dù hoạt chất đó có thể đã được miễn thiết lập MRL cho các mục đích sử dụng khác).

Theo các tiêu chí dưới đây, các hoạt chất hoặc việc sử dụng cụ thể theo danh mục cho phép có thể được miễn thiết lập MRL nếu quá trình đánh giá nguy cơ do cơ quan có thẩm quyền thực hiện kết luận rằng chúng không gây tác động có hại tức thời hoặc lâu dài đến sức khỏe con người hoặc động vật, dù trực tiếp hay thông qua nước uống, thực phẩm hoặc qua các tác động tổng hợp.

a) Tiêu chí 1. Các hoạt chất không xác định được các đặc tính nguy hại

Các hoạt chất và các chất chuyển hóa [[1]](#footnote-1)) có liên quan, theo đánh giá nguy cơ, được xem là không cần thiết để thiết lập các giá trị hướng dẫn dựa trên sức khỏe (ADI/ARfD). Chúng không bao gồm các hoạt chất không được thiết lập ADI/ARfD do chúng là các chất gây độc gen (genotoxic substances) hoặc do thiếu dữ liệu để xác định các giá trị này.

Các hoạt chất và chất chuyển hóa có liên quan không tích lũy sinh học hoặc không có khả năng gây ra các tác động độc hại đáng kể như: ăn mòn, gây mẫn cảm, gây độc thần kinh, chất độc miễn dịch, gây ung thư, gây đột biến, tác động gây rối loạn sinh sản, phát triển hoặc gây rối loạn nội tiết, cùng các tác động khác ở các mức liên quan đến môi trường.

b) Tiêu chí 2. Các hoạt chất mà không thể phân biệt được phơi nhiễm do việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật với các mức phơi nhiễm liên quan đến môi trường hoặc các mục đích sử dụng khác trong chuỗi thực phẩm

Các hoạt chất là thành phần của thực phẩm hoặc có độc tính thấp và không ảnh hưởng đến sức khỏe con người hoặc động vật.

Các hoạt chất mà sự phơi nhiễm từ môi trường liên quan đến chất đó trong thực phẩm không thể phân biệt được với sự phơi nhiễm do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc, chất hóa học tự nhiên).

Đối với thực phẩm và/hoặc thức ăn chăn nuôi gây dị ứng, cần tuân thủ các yêu cầu bổ sung, không liên quan đến nguy cơ từ thuốc bảo vệ thực vật.

Khi quyết định sử dụng tiêu chí này, cần đánh giá cẩn thận và cân nhắc về các mức phơi nhiễm từ môi trường có thể đo lường được. Ví dụ, khi sự phơi nhiễm với tồn dư từ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không làm tăng đáng kể so với phơi nhiễm từ mức nền trong môi trường hoặc từ các mục đích sử dụng khác theo danh mục cho phép thì có thể xem xét miễn thiết lập MRL. Cần cân nhắc từng trường hợp cụ thể, có tính đến các đặc tính của từng chất và mức phơi nhiễm tương ứng.

c) Tiêu chí 3. Các hoạt chất dự kiến không phơi nhiễm với người sử dụng khi sử dụng hoạt chất theo dự kiến

Tiêu chí này áp dụng cho các hoạt chất như pheromon và các chất bán hóa học khác được phân tán qua bộ phân phối (dụng cụ phát tán), dùng để gây gián đoạn quá trình giao phối, trong đó phơi nhiễm của người tiêu thụ giống như mức phơi nhiễm với chất đó từ môi trường do việc sử dụng hoạt chất đó.

d) Tiêu chí 4. Vi sinh vật không gây hại cho sức khỏe con người hoặc động vật

Tiêu chí này cũng áp dụng cho các vi sinh vật có khả năng sinh độc tố/chất chuyển hóa. Các vi sinh vật này chỉ được miễn thiết lập MRL nếu có thể chứng minh được các độc tố/chất chuyển hóa đó không có trong các bộ phận ăn được của cây trồng đã qua xử lý hoặc nếu có thì mức dư lượng không vượt quá mức nền trong môi trường hoặc mức có khả năng gây hại cho sức khỏe con người và động vật.

Các vi sinh vật là tác nhân gây bệnh chính ở người hoặc động vật (trừ các loài đích) [[2]](#footnote-2)2) không được xem xét để miễn thiết lập MRL. Đối với các vi sinh vật có quan hệ gần về mặt phân loại sinh học với các vi sinh vật gây bệnh này thì việc miễn thiết lập MRL chỉ có thể được thực hiện nếu có bằng chứng cho thấy chúng không ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe của con người hoặc động vật.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. ) Các hợp chất có ý nghĩa độc học khi chúng có mặt ở nồng độ đáng kể. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 ) Loài được chủ định dùng thuốc bảo vệ thực vật để kiểm soát. [↑](#footnote-ref-2)